

ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI

TẠP CHÍ KHOA HỌC No 3 + 4 - 1992

VỀ QUAN ĐIỂM CHIẾN LƯỢC ĐOÀN KẾT CỦA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRI THƯ⁺

Trước khi từ biệt thế giới này, trong lời di chúc ngắn ngủi hơn 1000 từ, Hồ Chí Minh đã bảy lần nhắc tới "đoàn kết". Câu nói nổi tiếng của Người "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công" được coi như sự tổng kết và khẩu hiệu có tầm chiến lược của cách mạng Việt Nam, một chân lý sinh tồn của dân tộc. Đoàn kết, một vấn đề được Người thường xuyên nhắc nhở chúng ta, quen thuộc như cơm ăn, nước uống hàng ngày, chứa đựng ý nghĩa sâu xa về triết học, chính trị, văn hóa và đạo đức trong tư tưởng và hành động của Người.

Đoàn kết trước hết là một phạm trù thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội. Trong thực tiễn của đời sống xã hội loài người nói chung cũng như của các dân tộc ta nói riêng, ngay từ khi hình thành và suốt quá trình phát triển của nó, đoàn kết là bài học sơ đẳng nhất của tồn tại và phát triển: đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết. Nhưng bài học thành công và cay đắng này đã được ghi nhận và đúc kết trong kho tàng kinh nghiệm phong phú của mỗi dân tộc truyền suốt từ thế hệ này sang thế hệ khác. Suy cho cùng sức mạnh của tổ chức và yêu cầu cần đạt tới của nó chính là tập hợp, quy tụ và bố trí lực lượng để chuyển từ cái số lượng rời rạc, cái riêng lẻ thành cái chất, sức mạnh nhân lên gấp bội lần của cái chung, cái toàn thể. Đoàn kết - được diễn đạt dưới nhiều ngôn từ và hình ảnh khác nhau, tuy rất xưa cũ và nghe đơn giản như vậy, nhưng lại là vấn đề luôn luôn được đặt ra, luôn luôn phải giải quyết cùng với quá trình phát triển. Vấn đề đó vừa là lịch sử, vừa là thời sự.

Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã học được hai bài học.

- Bất kỳ nơi nào trên thế giới, đều có hai loại người, một thiểu số thống trị đi áp bức bóc lột, tuyệt đại đa số còn lại là quần chúng lao động bị áp bức bóc lột. Bài học này giúp Người phân biệt được rõ bạn, thù, khắc phục được những quan điểm dân tộc hẹp hòi đang tồn tại phổ biến trong những người yêu nước lúc đó.

- Yêu sách 8 điểm của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Vecxai bị các cường quốc tư bản từ chối. Từ đó Người rút ra bài học thấm thía: sự nghiệp giải phóng dân tộc mình

(+) Phó Giáo sư, phó tiến sĩ Khoa Sử Đại học Tổng hợp Hà Nội

phải do mình quyết định chứ không phải chủ yếu dựa vào bên ngoài. Bọn đế quốc cùng những lời tuyên bố huênh hoang của chúng về tự do dân chủ, về quyền tự quyết của các dân tộc "chỉ là một trò bịp bợm lớn" (1).

Hai bài học đó là cơ sở đầu tiên để hình thành tư tưởng đại đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc sau này: đoàn kết dân tộc mình và gắn dân tộc mình với đoàn kết quốc tế. Chứng tỏ rằng: không có con đường nào khác để giải phóng dân tộc bằng chính sức mạnh của dân tộc mình. Trong mối quan hệ với quốc tế không phải là sự cầu viện mà là sự đoàn kết của những người lao động và các dân tộc bị áp bức chống kẻ thù chung. Đó cũng là tiền đề để nhận thức về khi bắt gặp "Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lê nin thì Người đã nhanh chóng chuyển từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống sang chủ nghĩa yêu nước trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Bởi vì "đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" (2). Thực ra, trình độ nhận thức của Nguyễn Ái Quốc lúc đó chưa cho phép Người hiểu thấu đáo những vấn đề phức tạp của thời đại. Nhưng lòng yêu nước chân thành với động cơ cháy bỏng là độc lập, tự do cho Tổ quốc, và cảm quan chính trị đầu tiên thông qua hai bài học lớn sau mười năm tìm đường cứu nước nói trên, đã giúp Nguyễn Ái Quốc đi đến một quyết định đúng đắn phù hợp với tiến trình lịch sử. Chính Người cũng đã nói về hành động của mình tại Đại hội đảng xã hội Pháp ở Tua tháng 12/1920. "Tôi không hiểu ... thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều Đệ tam quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Đệ nhị quốc tế không hề nhắc đến vận mạng các thuộc địa. Vì vậy tôi đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam quốc tế. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đó là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu" (3). Hành động trên của Nguyễn Ái Quốc có ý nghĩa tượng trưng đặc biệt, thông qua phiếu của Người và vì lợi ích trước hết của dân tộc mình, nhân dân ta đã gia nhập vào khối đại đoàn kết hùng mạnh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng chung. Chắc rằng Nguyễn Ái Quốc lúc đó chưa nhận thức hết được tầm quan trọng lịch sử của khối đại đoàn kết đó cũng như trách nhiệm của dân tộc mình trước sự nghiệp vĩ đại đó. Nhưng rồi trong quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn, chủ nghĩa Mác - Lê nin đã cung cấp cho Người một cơ sở lý luận vững chắc để thấu hiểu toàn diện và cụ thể hơn về các mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, về kẻ thù và bầu bạn, về chiến lược của cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có những vấn đề quan trọng như: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, cách mạng không thể xuất khẩu, các giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội v. v... Trên nền tảng đó tư tưởng đại đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc đã hình thành cùng với quá trình xác định phương hướng chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cuộc cách mạng nhằm đánh đổ bọn đế quốc và phong kiến, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho người cày tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng đại đoàn kết lúc này của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện trong nhiều bài viết và tác phẩm của Người, nổi bật lên là "Đường cách mạng", được viết với ước ao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mạng" (4) và nhất là trong "Chính cương và sách lược vắn tắt" khi Đảng ta ra đời. Nội dung căn bản của tư tưởng đó là:

Một là: Người khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân đông

đào chứ không phải của một nhóm người hay một vài hành động phiêu lưu của một đảng phái chính trị thuần túy: "cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc một hai người", "cách mạng thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ các giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua; 9, 10 anh quan mà được" (1; 181; 200). Như vậy, cách mạng là một việc rất khó "nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được". "Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước hết ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng lại phải biết cách làm thì mới làm chóng" (1; 180). Như vậy "Lần đầu tiên ở Việt Nam, *quần chúng nhân dân, người sáng tạo ra lịch sử, được đặt vào vị trí trung tâm của cách mạng: cách mạng nhằm giải phóng họ đồng thời cũng là sự nghiệp của chính bản thân họ*. Điều đó cũng có nghĩa là muốn thành công phải đoàn kết quần chúng nhân dân lại. Đó là lực lượng quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

Hai là: Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, theo quan niệm của Nguyễn Ái Quốc là: "một nước này có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền nó vơ vét bấy nhiêu", "bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với Việt Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tinh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi" (1; 184). Như vậy khái niệm "dân" ở đây là toàn dân, những người "dân nô lệ" của một nước "đã mất cả tự do độc lập". Song trong nội bộ dân chúng thái độ và tinh thần cách mạng không phải đồng nhất mà tùy thuộc vào từng hoàn cảnh kinh tế, chính trị, xã hội của mình. Trong đó, "công nông bị áp bức mạnh hơn cả", "là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết", "là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy nên công nông là gốc cách mạng" (1; 187). Về vấn đề này, ngay từ năm 1923, trong tham luận tại Đại hội lần thứ nhất quốc tế nông dân, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định "nông dân và công nhân là hai ban đồng minh tự nhiên" và phân tích sâu sắc vị trí của hai giai cấp ấy trong cách mạng. Đối với nông dân, chỉ với lực lượng của riêng của chính mình nông dân không bao giờ có thể trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ. Sống tàn mạt trong các làng mạc, họ có thể nổi dậy và tiến hành đấu tranh nhưng một mình họ thì không thể chiếm được bộ máy nhà nước và giữ được bộ máy đó" (4; 157). Họ là lực lượng cách mạng to lớn và đông đảo, song "những trào lưu cơ hội chủ nghĩa nịnh nông dân coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lê nin mà thôi" (4, 157, 158). Còn đối với giai cấp công nhân, trong thời đại hiện nay "là giai cấp độc nhất có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân" (4, 157).

Ngoài hai giai cấp nói trên, trong tác phẩm "Đường cách mạng" Người còn khẳng định: học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ "là bầu bậu cách mạng của công nông" (1, 187). tư tưởng quan trọng này được Người phát triển hơn nữa trong Chính cương và sách lược vắn tắt. Ở đây, trong khi nhấn mạnh tới vai trò "lãnh đạo dân chúng" của công nhân, "không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông", đồng thời Người khẳng

định "phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, tri thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp", còn đối với "phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập" (1, 297). Nhờ vậy có nghĩa trong khi nhấn mạnh tới vai trò lịch sử của liên minh công nông đồng thời Người cũng rất coi trọng tới vấn đề đoàn kết tất cả các tầng lớp xã hội khác trong dân tộc, tức là vấn đề xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Trên thực tế, Người đã phác họa rõ những nét cơ bản về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất ở Việt Nam: đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp xã hội lấy liên minh công nông làm nòng cốt do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong xã hội thuộc địa - phong kiến ở Việt Nam, sự phân hóa xã hội rất phức tạp. Ách áp bức dân tộc bao trùm đè nặng lên hầu hết các giai cấp và tầng lớp xã hội. Tinh thần dân tộc và thái độ chính trị của mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội không phải chỉ đơn thuần, phụ thuộc vào địa vị kinh tế, xã hội của nó mà còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác, đôi khi giữ vai trò quyết định. Bởi vì mất nước là mất tất cả, truyền thống và lòng tự hào dân tộc, nền văn hóa dân tộc, bị bạc đãi khinh rẻ về nòi giống, v. v... Có thể nói, trừ một số ít người cam tâm bán nước làm tay sai cho bọn xâm lược, bị nhân dân khinh bỉ lên án, còn yêu nước đã trở thành một truyền thống quý báu nhất trong mỗi con người Việt Nam. Cho nên nhận thức đầy đủ các giai cấp, tầng lớp xã hội khác ngoài công nông trong xã hội Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Quyền lợi của dân tộc gắn liền với quyền lợi của công nông - ngược lại chính quyền lợi của công nông cũng gắn liền với quyền lợi của dân tộc. Nhận thức và chủ trương đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc lôi kéo các giai cấp, tầng lớp xã hội nói trên không phải là ngẫu nhiên hoặc xuất phát từ tình cảm dân tộc thuần túy, mà bắt nguồn từ những tìm hiểu, nghiên cứu sâu xa của Người về vấn đề đó. Trong nhiều bài viết, nhất là "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương", có thể bắt gặp thân phận nhục nhã của những người dân mất nước: từ người nông dân, người thợ, binh lính, nhà công thương, nhà báo, học sinh, thầy cúng cho đến cả hào lý, chánh tổng... ở nhiều phương diện và mức độ khác nhau, họ đều là nạn nhân của chế độ thuộc địa hà khắc với hàng trăm thứ thuế vô lý dã man, với chính sách độc quyền, ăn cướp trắng trợn, với thủ đoạn ngu dân khủng bố tàn bạo, với những quyền lực vô giới hạn của bọn thực dân. "Tất cả những người Pháp sang Đông Dương đều nghĩ rằng người Việt Nam là hạng người hèn hạ hơn họ và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người Việt Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt... phải được mắt thấy cách đối xử của người Pháp khi họ gặp người bản xứ, ngay cả những nơi người này được có quyền như họ (tác giả nhấn mạnh - NTT) thì mới biết họ thô bạo đến đâu ! (1, 47) xem thế đủ thấy chủ trương đoàn kết rộng rãi nói trên của Nguyễn Ái Quốc là phản ánh khách quan tình hình chính trị xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp. Là một bước phát triển về chất so với chủ trương đoàn kết của những nhà yêu nước Việt Nam trước đó.

Chủ trương của Nguyễn Ái Quốc càng hết sức dũng cảm và sáng tạo, bởi vì nó vượt ra khỏi các quan điểm tả khuynh phổ biến đang chế ngự trong Quốc tế cộng sản và chính ngay cả trong nhân sĩ người cách mạng Việt Nam hồi đó.

Ba là: Nguyễn Ái Quốc đặt vấn đề đoàn kết dân tộc trong mối quan hệ gắn bó giữa ba nước Đông Dương và phong trào cách mạng quốc tế nói chung. Trước đây, các nhà yêu nước Việt Nam xem xét vấn đề quan hệ Việt Nam với quốc tế dưới góc độ "cầu viện", trông chờ thụ động vào sự giúp đỡ ở bên ngoài. Giờ đây Nguyễn Ái Quốc đã đặt cách

mạng Việt Nam trong mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc, giữa cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Đó là mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tác động và thúc đẩy lẫn nhau. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít trong mối quan hệ ràng buộc, chủ động và tích cực đó. Vì thế, Người nói: "Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *Nước Việt Nam độc lập*, lại phải đồng thời tuyên truyền vừa thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp" (1, 298). Mối quan hệ giữa ba nước Đông Dương là một vấn đề trải qua quá trình nhận thức khá phức tạp trong nội bộ những người cách mạng. Tháng 10/1987 Pháp thành lập cái gọi là "Liên bang Đông Dương" bao gồm Việt Nam (bị chia ra làm ba kỳ) Căm-pu chia và sau đó (4/1989) cả Lào dưới sự cai trị của toàn quyền Đông Dương người Pháp. Như vậy tên ba nước Việt Nam, Căm-puchia, Lào bị xóa trên bản đồ thế giới xét về cả hành chính và địa lý. Nhưng trên thực tế ba nước Đông Dương vẫn tồn tại với tư cách là các dân tộc riêng biệt có truyền thống sâu xa về lịch sử, văn hóa mà không một sức mạnh nào có thể xóa nổi. Ba nước có quan hệ gắn bó lâu đời về nhiều mặt và giờ đây có cùng một kẻ thù chung là thực dân Pháp. Tuy nhiên, do nhiều quan điểm đơn giản của một số người cách mạng, vấn đề dân tộc ở đây thường được xem xét trong khuôn khổ của cả Đông Dương. Quan điểm này đã chiếm ưu thế và kéo dài nhiều năm. Trong khi đó quan điểm của Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn ngược lại. Thật ra trong một số bài viết của Người, khái niệm An Nam, "Việt Nam", "Đông Dương" xét dưới góc độ dân tộc đôi khi cũng chưa được rõ ràng, có thể là do nhận thức, do cách gọi chung hoặc do tư cách đại diện của mình trước công luận. Nhưng tới tác phẩm "đường cách mạng", một tác phẩm có ý nghĩa xác định phương hướng chiến lược cho cách mạng Việt Nam, Người đã đặt cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong khuôn khổ của Việt Nam. Đặc biệt trong Chính cương và sách lược vắn tắt, thông qua trong hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, Người đã khẳng định rõ ràng mục tiêu của cách mạng đó là "làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập" (1, 295). Bằng sự khẳng định này, trên thực tế Người đã tạo vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của từng nước Đông Dương. Có lẽ vì tư tưởng đúng đắn nhưng "ngược chiều" với quốc tế cộng sản hồi đó, cùng với tư tưởng đoàn kết dân tộc rộng rãi nói trên mà Người đã trải qua những ràng buộc tế nhị trong hoạt động cách mạng của mình suốt thời gian dài. Chỉ mãi tới Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941), những tư tưởng sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc mới được khẳng định dứt khoát trong thực tiễn và chứng tỏ là hoàn toàn đúng đắn.

Bốn là: Nguyễn Ái Quốc với việc *thức tỉnh, vận động giác ngộ tập hợp quần chúng là nhiệm vụ hết sức quan trọng đề đi đến đoàn kết*. Cùng chung thân phận bị áp bức khốn cùng nô lệ cùng một kẻ thù cướp nước và bán nước mới chỉ là tiền đề đi đến thống nhất về hành động. Trong khối quần chúng nhân dân đông đảo bị áp bức ấy còn đầy rẫy hạn chế và nhược điểm. Trước hết là do bị kẻ thù đầu độc cả về tinh thần và thể xác, "nó lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham" (1, 187). Đó là do chính sách chia rẽ rất thâm độc của chúng: chia rẽ giữa dân tộc đa số và thiểu số, giữa lương và giáo, giữa các địa phương... và chính trong bản thân nội bộ khối quần chúng đông đảo ấy cũng còn nhiều khác biệt về quyền lợi giữa các tập đoàn xã hội, bị những tư tưởng tâm lý hẹp hòi cục bộ chi phối. "Dân thường chia rẽ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yếu sức đi, như dưa mỗi chiếc một nơi" (1, 188). Đứng trước đám quần chúng như vậy, nhiều nhà yêu nước trước

đây thường bị quan về tình trạng dân trí, dân khí và tiền đồ của dân tộc. Nhưng Nguyễn Ái Quốc tin rằng đằng sau sự phục tùng tiêu cực đó, "giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến" (4, 10). Niềm tin đó như một điều kiện tiên quyết để Người xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Vấn đề là cần có một tổ chức để tập hợp và lãnh đạo quần chúng, tức là phải có một chính đảng cách mạng. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đáp ứng được yêu cầu đó. Đảng có nhiệm vụ "trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi" (1, 188). Quan niệm của Nguyễn Ái Quốc, "cách mạng trước hết phải làm cho dân giác ngộ", "phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu", "phải bày sách lược cho dân", để cuối cùng "tập trung" dân lại (1, 188). Đoàn kết không phải là một lời kêu gọi trừu tượng, cũng không chỉ là sự đồng tâm nhất trí chung chung. Nó sẽ trở nên vô nghĩa nếu như sự đoàn kết đó chưa đi đến tổ chức và thống nhất hành động trong một tổ chức. Bởi vì mục đích của đoàn kết không có gì khác là nhằm đánh đổ ách thống trị của đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc và giải phóng khỏi áp bức nô lệ. Thiếu hành động thống nhất của quần chúng có tổ chức, mục tiêu trên sẽ trở thành ảo tưởng. Vì thế Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm tới việc đưa quần chúng đi dần vào các tổ chức của họ như công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ... Trong tác phẩm "Đường cách mạng" Người đã phác họa những nội dung căn bản về hoạt động của các tổ chức như thế. Tất cả những tổ chức đó lại đặt dưới sự chỉ đạo duy nhất của chính đảng tiên phong.

Như vậy tư tưởng đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc những năm 30 không chỉ dừng lại ở những lời kêu gọi chung chung, mà bắt đầu hình thành về cơ bản một hệ thống lý luận và phương pháp chỉ đạo thực tiễn. Những tư tưởng quan trọng trên của Nguyễn Ái Quốc đã được vận dụng và phát huy triệt để trong thời kỳ cao trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 nhất là từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941). Hội nghị đã khẳng định hoàn toàn tư tưởng chiến lược của Người, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam. Việc thành lập Mặt trận Việt Minh với chương trình cứu nước hết sức đúng đắn với hình thức tổ chức rộng rãi phù hợp thông qua các đoàn thể cứu quốc đã làm cho khối đại đoàn kết toàn dân vĩ đại trở thành hiện thực. Trên cơ sở đó, lực lượng chính trị hùng hậu của hàng triệu quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng đã ra đời, toàn dân nổi dậy quyết định thành công của cuộc cách mạng Tháng Tám 1945 lịch sử. Có thể nói, việc thành lập Mặt trận Việt Minh và thành quả trực tiếp của nó là sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là thành công vĩ đại của tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh.

CHÚ THÍCH

- (1) *Hồ Chí Minh Toàn tập, T. 2, ST, H. 1981*
- (2) *Hồ Chí Minh Toàn tập, T. 8, ST, H. 1989*
- (3) *Trần Dân Tiên: Những màu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, ST, H. 1975*
- (4) *Hồ Chí Minh Toàn tập, T. 1, St, H. 1980*